

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 188/2025/DS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2025
V/v “*Tranh chấp giao dịch mua bán
trái phiếu, yêu cầu xử lý tài sản đảm
bảo theo hợp đồng thế chấp*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa và ông Huỳnh Văn Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 1017/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp giao dịch mua bán trái phiếu, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thanh H, sinh năm 1958. Địa chỉ: P, tòa nhà H, E L, quận H, Hà Nội. ĐT: 0903.438.816.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1; Địa chỉ: Số C ngõ T, phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (Hợp đồng ủy quyền ngày số 10.6/HĐUQ-TKLAW ngày 10/7/2024).

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Đào Thị H1; Địa chỉ: Số C ngõ T, phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. ĐT: 0978.717.290 (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần X (ANGIMEX)

Trụ sở: Số A N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng T – chức vụ: Tổng giám đốc

(theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 24/4/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty cổ phần C.

Trụ sở: Toà nhà BETA, tầng 4 – 5, số E N, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh B.

+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đ

Trụ sở: Tòa nhà TNR, số A đường N, phường N Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Minh T1. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

+ Công ty cổ phần L2

Trụ sở: Số A P, ấp G, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lục Tấn H2.

+ Ông Vũ Ngọc L, sinh năm: 1984; Địa chỉ (theo hợp đồng): số D, đường Đ, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ hiện nay: P L, chung cư Đ, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 0835.095.555; 0932.120.189 (vắng mặt không có lý do)

+ Ngân hàng thương mại cổ phần S1

Trụ sở: số G đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đào Thị H1 trình bày:

Năm 2021, thông qua Công ty cổ phần Đ (viết tắt Công ty Đ), bà H1 có tham gia đầu tư mua trái phiếu mã AGMH2123001 của Công ty cổ phần X (ANGIMEX) (viết tắt Công ty A) thông qua hai Hợp đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng thứ nhất: ngày 03/12/2021, bà H1 ký với Công ty Đ Hợp đồng đặt mua 1.000 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu trị giá 1.000.000.000 đồng, ngày thanh toán giao dịch đặt mua là 03/12/2021. Ngày 09/05/2022, bà H1 ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng trái phiếu số: 306/HDDM-AGMH2123001 nhận chuyển nhượng 1.000 trái phiếu đã đặt mua ở trên, lợi tức đầu tư là 11,4%/năm. Ngày 09/06/2022, bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu mã số: 025/GCN- AGMH2123001. Ngày hết hạn 09/11/2022.

- Hợp đồng thứ hai: Ngày 22/12/2021, bà H1 ký với Công ty Đ Hợp đồng đặt mua 1.500 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu trị giá 1.500.000.000 đồng,

ngày thanh toán giao dịch đặt mua là 22/12/2021. Ngày 09/05/2022, bà H1 ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng trái phiếu số: 305/HDDM-AGMH2123001 nhận chuyển nhượng 1.500 trái phiếu đã đặt mua ở trên, lợi tức đầu tư là 11,4%/năm. Ngày 09/06/2022, bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu mã số: 024/GCN- AGMH2123001. Ngày hết hạn 09/11/2022.

Tiền lãi mà bà H1 đã nhận được như sau:

- Hợp đồng số 306/HDDM-AGMH2123001, số tiền 1.000.000.000 đồng:

+ Ngày 03/3/2022 số tiền phải trả là 28.109.589 đồng, đã trả 28.109.589 đồng cùng ngày;

+ Ngày 03/6/2022 số tiền phải trả là 28.734.247 đồng, đã trả 28.734.247 đồng cùng ngày ;

+ Ngày 05/9/2022 số tiền phải trả là 29.358.904 đồng, đã trả 28.734.247 đồng ngày 09/8/2022 ;

+ Ngày 09/11/2022 số tiền phải trả là 20.301.370 đồng, đã trả 5.428.572 đồng ngày 17/3/2023 và 2.714.286 đồng

Tổng tiền lãi: 106.504.110 đồng, đã thanh toán 93.720.941 đồng, số tiền lãi còn thiếu: 12.783.169 đồng.

- Hợp đồng số 305/HDDM-AGMH2123001, số tiền 1.500.000.000 đồng:

+ Ngày 22/3/2022 số tiền trả là 42.164.384 đồng, đã trả 42.164.384 đồng cùng ngày;

+ Ngày 22/6/2022 số tiền trả là 43.101.370 đồng, đã trả 22.487.671 đồng;

+ Ngày 22/9/2022 số tiền trả là 43.101.370 đồng, đã trả 43.101.370 đồng;

+ Ngày 09/11/2022 số tiền trả là 22.487.671 đồng, ngày 17/11/2023 đã trả 8.142.857 đồng và ngày 22/3/2023 đã trả 4.071.428 đồng ;

Tổng tiền lãi: 150.854.795 đồng; đã thanh toán 119.967.710 đồng, số tiền lãi còn thiếu: 30.887.085 đồng.

Theo thỏa thuận trả lãi trong hai hợp đồng trên tính đến ngày hết hạn hợp đồng 09/11/2022 Công ty A còn thiếu bà H1 43.670.254 đồng tiền lãi. Từ ngày 09/11/2022, bà H1 cũng không nhận được thêm bất kỳ đồng tiền lãi nào và Công ty A cũng không thanh toán cho bà H1 tiền gốc. Theo quy định lô trái phiếu mã AGMH2123001 của Công ty A phải đáo hạn vào ngày 09/11/2023, tuy nhiên Công ty A không còn khả năng thanh toán cho các trái chủ.

Tại đơn khởi kiện, bà Lê Thanh H buộc Công ty cổ phần X thanh toán tổng số tiền 3.790.545.254 đồng, trong đó : tiền gốc: 2.500.000.000 đồng; tiền lãi chưa thanh toán của kỳ 4 (cả 02 hợp đồng): 43.670.254 đồng; lãi trong hạn: 498.750.000 đồng; Lãi suất quá hạn: 748.125.000 đồng và phải tiếp tục trả lãi theo quy định cho đến khi Công ty A hoàn thành nghĩa vụ. Trường hợp Công ty A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho bà Hằng số tiền trên, đề nghị xử lý tất cả tài sản bảo

đảm mà Công ty A dùng bảo đảm cho lô trái phiếu AGMH2123001 để thanh toán tiền cho bà H, tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số BO 050088, số vào sổ cấp GCN là CH00386, thuộc thửa đất số 672, tờ bản đồ 53 (tài liệu 2005), diện tích 6.422,7m², mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC) do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 22/04/2013 cho ông Lâm S và bà Lương Viên P, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần L2 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận ngày 09/12/2021 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh);

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số CN 593539, số vào sổ cấp GCN là CS 03582, thuộc thửa đất số 516, tờ bản đồ 53, diện tích 138m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 25/4/2019 cho ông Hà Việt N, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần L2 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận ngày 09/12/2021 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh);

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số BK 453138, số vào sổ cấp GCN là CH 00756, thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ 53, diện tích 300m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị 250m², đất trồng lúa nước 50m² do UBND huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012 cho ông Lâm S và bà Lương Viên P, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc L do Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 06/01/2022 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn Công ty Cổ phần X do ông Lê Trọng K là người đại diện theo ủy quyền trong giai đoạn hòa giải (biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 29/10/2024 của TAND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) đã trình bày ý kiến như sau:

Về nợ gốc mà nguyên đơn đã trình bày là phù hợp nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, về lãi suất đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Công ty A thống nhất việc xử lý tài sản bảo đảm theo yêu cầu của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến vào ngày 07/11/2024 như sau:

Tháng 5/2022, bà Lê Thanh H là nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư trái phiếu mã AGMH2123001 do Công ty A phát hành để nhận lợi tức và lợi ích từ mã trái phiếu trên. Do đó, Công ty Đ đã thực hiện chuyển nhượng số lượng 2.500 trái phiếu tương ứng với số tiền 2.500.000.000 đồng mà Công ty Đ sở hữu cho nhà đầu tư. Việc ký kết hợp đồng và chuyển nhượng quyền sở hữu số lượng trái phiếu trên cho nhà đầu tư đã được thực hiện hoàn tất. Đại lý đăng ký lưu ký quản lý danh mục trái phiếu - Công ty C đã cập nhật thông tin chuyển nhượng và cấp các giấy chứng nhận sở hữu mới số 024/GCN-AGMH2123001 và 025/GCN-AGMH2123001 cho bà H.

Công ty Đ đã hoàn tất quy trình chuyển giao số lượng trái phiếu trên cho nhà đầu tư và đã thực hiện tất cả các nghĩa vụ pháp lý. Do đó, Công ty Đ không còn liên quan trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần C, Ngân hàng TMCP S1 có đơn xin vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần L2 và ông Vũ Ngọc L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến vào ngày 23/6/2025 như sau: Bà H tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty A phải trả số tiền 555.798.863 đồng; Bà H yêu cầu Công ty A phải thanh toán tổng số tiền 3.234.755.391 đồng (tạm tính đến ngày 27/6/2025), trong đó: tiền gốc: 2.500.000.000 đồng; tiền lãi còn thiếu kỳ 4: 43.625.254 đồng, lãi quá hạn: 691.130.137 đồng; đồng thời, tiếp tục trả lãi theo quy định cho đến khi Công ty A hoàn thành nghĩa vụ. Trường hợp Công ty A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền trên thì bà H có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất nêu trên.

Bị đơn Công ty cổ phần X vắng mặt không có lý do, không bổ sung văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ; Công ty C; Công ty cổ phần L2; ông Vũ Ngọc L và Ngân hàng TMCP S1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Giao dịch mua bán trái phiếu giữa bà H và Công ty A đã được các bên thực hiện xong. Gói trái phiếu đã đến kỳ hạn nhưng Công ty A không thực

hiện thanh toán nợ gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H về việc trả số tiền nợ gốc, lãi các kỳ hạn chưa thanh toán, lãi quá hạn tính trên tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 166, 317, 318, 319, 351, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 131 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 1, khoản 3 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H.

Buộc Công ty cổ phần X phải trả cho bà Lê Thanh H số tiền gốc mua trái phiếu 2.500.000.000 đồng, tiền lãi còn thiếu kỳ 4 chưa thanh toán: 43.625.254 đồng, lãi quá hạn của tiền gốc mua trái phiếu: 691.130.137 đồng; đồng thời, tiếp tục trả lãi theo quy định cho đến khi Công ty A hoàn thành nghĩa vụ.

Trường hợp Công ty A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà H thì bà H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi đã xử lý tài sản bảo đảm nhưng không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty A vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho bà H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H về việc buộc Công ty A thanh toán số tiền 555.798.863 đồng

Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi phát sinh từ các trái phiếu do bị đơn phát hành mà nguyên đơn đã mua, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp. Nguyên đơn không có đăng ký kinh doanh. Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng bảo đảm đặt mua trái phiếu thì các bên đã tiến hành thanh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu và trái chủ đã được chi trả lãi trái phiếu, phí hỗ trợ nhà đầu tư do người phát hành trái phiếu đơn phương cam kết bổ sung. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp giao dịch mua bán trái phiếu, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại mục 16 phần Phụ lục của Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước, Công ty cổ phần X đã xác định khi có tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến trái phiếu sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam. Bị đơn có trụ sở chính tại số A N, phường

M, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần C; Công ty cổ phần Đ và Ngân hàng TMCP S1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty cổ phần L2 và ông Vũ Ngọc L vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[1.4] Nguyên đơn bà Lê Thanh H ủy quyền cho Công ty L1 và bà Đào Thị H1 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/7/2024). Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận bà Đào Thị H1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Trọng K là người đại diện theo ủy quyền của Công ty A (theo giấy ủy quyền số 408/GUQ-XNK ngày 24/10/2024). Tuy nhiên, ngày 23/6/2025, ông K có văn bản về việc chấm dứt nhận ủy quyền đối với Công ty A kể từ ngày 24/4/2025 do Công ty A đã thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Lương Đức T2 sang ông Nguyễn Hoàng T. Vì vậy, căn cứ vào Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc chấm dứt đại diện theo ủy quyền của Công ty A đối với ông Lê Trọng K kể từ ngày 24/4/2025.

[1.6] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H buộc Công ty A thanh toán số tiền 555.798.863 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng đặt mua trái phiếu, Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu, Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu, giấy xác nhận giao dịch,... và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, lời khai nhận của các đương sự chứng minh được giữa nguyên đơn và Công ty cổ phần X đã phát sinh giao dịch mua bán trái phiếu mã AGMH2123001 do Công ty cổ phần X phát hành ngày 09/11/2021, với số lượng mua bán là 2.500 trái phiếu, trị giá 2.500.000.000 đồng. Thực hiện giao dịch, nguyên đơn đã thanh toán đủ số tiền mua trái phiếu, đã được cấp giấy chứng nhận chủ sở hữu trái phiếu; bị đơn đã xác nhận giao dịch và thanh toán tiền lãi trái phiếu, phí hỗ trợ nhà đầu tư.

Xét thấy, giao dịch mua bán trái phiếu đã được các đương sự thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định tại Điều 131 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 4 Luật chứng khoán 2019; Điều 8 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp R tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty cổ phần X đã không thực hiện trả lãi trái phiếu và phí hỗ trợ của một phần kỳ 4 và các kỳ còn lại khi đến hạn thanh toán. Đến ngày đáo hạn trái phiếu là ngày 09/11/2023, trái chủ và Công ty cổ phần X không đạt được thỏa thuận về việc đáo hạn gói trái phiếu, nhưng Công ty cũng không thực hiện trả lại tiền gốc. Như vậy, Công ty cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại tiểu mục 11 mục II Phần 1; mục 7; điểm b tiểu mục 8.1 mục 8 và tiểu mục 9.1 mục 9 phần Phụ lục của Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu và khoản 1 Điều 17 Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lại số tiền gốc mua trái phiếu, tiền lãi trái phiếu còn thiếu của kỳ 4 chưa thanh toán với số tiền 43.625.254 đồng (cả 02 hợp đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán, xét thấy: Tại tiểu mục 11, mục II Phần 1 Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu quy định lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trái phiếu được áp dụng cho kỳ tính lãi có chứa ngày liền trước của ngày đến hạn của các khoản tiền. Tại điểm a tiểu mục 8.5 mục 8 phần Phụ lục của Bản công bố thông tin có quy định: *“Trừ khi được quy định một cách cụ thể khác đi trong các điều kiện trái phiếu này hoặc được các chủ sở hữu trái phiếu đồng ý khác đi bằng một Nghị quyết đa số tuyệt đối hoặc pháp luật có quy định hạn chế khác, lãi phát sinh trên khoản tiền quá hạn dù là khoản gốc, lãi hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo các điều kiện trái phiếu này và cho dù chủ sở hữu trái phiếu có yêu cầu thanh toán các khoản tiền này hay chưa) sẽ được thanh toán ở mức bằng một trăm năm mươi phần trăm (150%) của lãi suất được áp dụng cho kỳ tính lãi có chứa ngày liền trước của ngày đến hạn của các khoản tiền quá hạn nêu trên, tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Khoản lãi quá hạn đó sẽ được tính kể từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán của khoản tiền quá hạn đó cho đến (nhưng không bao gồm) ngày mà Tổ chức Phát hành thực tế thanh toán (cho dù ở thời điểm trước hay sau khi có bất kỳ phán quyết của bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào, nếu có)”*. Do Công ty cổ phần X đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi của mỗi kỳ trả lãi trong hạn trái phiếu, nghĩa vụ trả lại số tiền gốc mua trái phiếu khi hết hạn trái phiếu như phân tích nêu trên. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi quá hạn tính trên số tiền gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về ngày bắt đầu tính lãi quá hạn, nguyên đơn xác định ngày bắt đầu tính lãi quá hạn là ngày cuối cùng đến hạn thanh toán. Cách tính này phù hợp với thỏa thuận của các đương sự khi mua bán trái phiếu. Bởi lẽ, tại điểm a tiểu mục 8.5 mục 8 phần Phụ lục của Bản công bố thông tin có quy định: *“... Khoản lãi quá hạn đó sẽ được tính kể từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán của khoản tiền quá hạn đó cho đến (nhưng không bao gồm) ngày mà Tổ chức Phát hành thực tế thanh toán (cho dù ở thời điểm trước hay sau khi có bất kỳ phán quyết của bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào, nếu có)”*.

[2.4] Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu về mức lãi suất quá hạn, chỉ yêu cầu

xác định mức lãi suất quá hạn là $150\% \times 7\%/năm$ là phù hợp với thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, cần buộc Công ty cổ phần X phải trả cho bà Lê Thanh H tiền lãi quá hạn tính trên số tiền gốc kể từ ngày 09/11/2022 đến ngày 27/6/2025, số tiền lãi được tính như sau:

$2.500.000.000 \text{ đồng} \times 10,5\% \times 961 \text{ ngày} = 691.130.137 \text{ đồng}$ (trong đó: nợ gốc: 2.500.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 691.130.137 đồng).

[2.5] Đối với hợp đồng thế chấp:

Căn cứ vào Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu AGMH2123001; Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22/12/2021 của Hội đồng quản trị Công ty A về việc thay đổi tài sản đảm bảo cho gói trái phiếu AGMH2123001 thì để đảm bảo cho việc phát hành gói trái phiếu AGMH2123001, Công ty A đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/HĐTCTS-PN/SHB.130111 ngày 21/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh P1 (bên nhận thế chấp hoặc tổ chức quản lý tài sản bảo đảm) với Công ty cổ phần L2 (bên thế chấp) và Công ty A (tổ chức phát hành), hợp đồng do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 21/12/2021, được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H chứng nhận đăng ký thế chấp vào ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2021/HĐTCTS-PN/SHB.130111 ngày 07/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh P1 (bên nhận thế chấp hoặc tổ chức quản lý tài sản bảo đảm) với ông Vũ Ngọc L (bên thế chấp) và Công ty A (tổ chức phát hành), hợp đồng do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 07/01/2022, được Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký thế chấp vào ngày 08/01/2022. Tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số BO 050088, số vào sổ cấp GCN là CH00386, thuộc thửa đất số 672, tờ bản đồ 53 (tài liệu 2005), diện tích $6.422,7m^2$, mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC) do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 22/04/2013 cho ông Lâm S và bà Lương Viên P, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần L2 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận ngày 09/12/2021 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh);

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số CN 593539, số vào sổ cấp GCN là CS 03582, thuộc thửa đất số 516, tờ bản đồ 53, diện tích $138m^2$, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 25/4/2019 cho ông Hà Việt N, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần L2 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận ngày 09/12/2021 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh);

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số BK 453138, số vào sổ cấp GCN là CH 00756, thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ 53, diện tích $300m^2$, mục đích sử dụng: đất

ở tại đô thị 250m², đất trồng lúa nước 50m² do UBND huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012 cho ông Lâm S và bà Lương Viên P, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc L do Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 06/01/2022 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh).

Xét thấy, các hợp đồng thế chấp trên có nội dung và hình thức được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm, được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H và Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 09/12/2021 và ngày 06/01/2022 nên việc thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, căn cứ vào hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 03/HĐĐLNTSĐB ngày 22/12/2021 giữa Công ty cổ phần L3, ông Vũ Ngọc L (bên bảo đảm) với Công ty A (tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP S1 – chi nhánh P1 (tổ chức quản lý tài sản bảo đảm), Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ nên Công ty Đ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, trường hợp Công ty cổ phần X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà H thì bà H được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/HĐTCTS-PN/SHB.130111 ngày 21/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2021/HĐTCTS-PN/SHB.130111 ngày 07/01/2022, tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất nêu trên.

[2.6] Từ những phân tích trên, buộc Công ty cổ phần X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thanh H tổng số tiền 3.234.755.391 đồng (tạm tính đến ngày 27/6/2025), trong đó: nợ gốc: 2.500.000.000 đồng, lãi còn thiếu kỳ 4: 43.625.254 đồng; lãi quá hạn: 691.130.137 đồng.

Kể từ ngày 28/6/2025, Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, với mức lãi suất quá hạn là 10,5%/năm (150% x 7%) theo Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty A còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Công ty A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) (theo danh sách chi ngày 29/11/2024 của TAND thành phố Long Xuyên), Công ty A đã tạm ứng chi phí tố tụng trên nên đã thực hiện xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí sơ thẩm và bà Lê Thanh H thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị đơn phải chịu án phí đối với các phần nghĩa vụ mình phải thực hiện theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều 4, mục 2 Chương II, Điều 121 Luật chứng khoán năm 2019;

Căn cứ các Điều 166, 317, 318, 319, 351, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H đối với Công ty cổ phần X.

Buộc Công ty cổ phần X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thanh H tổng số tiền: 3.234.755.391 đồng (*ba tỷ, hai trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi một đồng*) (tạm tính đến ngày 27/6/2025), trong đó: nợ gốc: 2.500.000.000 đồng (*hai tỷ, năm trăm triệu đồng*), lãi còn thiếu kỳ 4: 43.625.254 đồng (*bốn mươi ba, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng*); lãi quá hạn: 691.130.137 đồng (*sáu trăm chín mươi một triệu, một trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2025) cho đến khi thanh toán xong, Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán với mức lãi suất quá hạn là 10,5%/năm (150% x 7%/năm) theo Bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước phát hành ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty cổ phần X, gói trái phiếu mã AGMH2123001.

Trường hợp Công ty cổ phần X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà Lê Thanh H thì bà H được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/HĐTCTS-PN/SHB.130111 ngày 21/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2021/HĐTCTS-PN/SHB.130111 ngày 07/01/2022. Tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số BO 050088, sổ vào sổ cấp GCN là CH00386, thuộc thửa đất số 672, tờ bản đồ 53 (tài liệu 2005), diện tích 6.422,7m²,

mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC) do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 22/04/2013 cho ông Lâm S và bà Lương Viên P, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần L2 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận ngày 09/12/2021 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh);

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số CN 593539, số vào sổ cấp GCN là CS 03582, thuộc thửa đất số 516, tờ bản đồ 53, diện tích 138m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 25/4/2019 cho ông Hà Việt N, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần L2 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác nhận ngày 09/12/2021 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh);

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số BK 453138, số vào sổ cấp GCN là CH 00756, thuộc thửa đất số 577, tờ bản đồ 53, diện tích 300m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị 250m², đất trồng lúa nước 50m² do UBND huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/2012 cho ông Lâm S và bà Lương Viên P, được chỉnh lý bổ sung trang 04 chuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc L do Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 06/01/2022 (đất tọa lạc tại xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty cổ phần X còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thanh H về việc buộc Công ty cổ phần X phải trả số tiền 555.798.863 đồng (*năm trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 96.695.108 đồng (*chín mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn một trăm lẻ tám đồng*).

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung